

Bản án số: 73/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2021

V/v tranh chấp ly hôn,  
nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Thu Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trịnh Thị Lệ Hoa

2. Ông Phạm Văn Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng – Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Chăm – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2021/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2021/QĐXX-ST ngày 18 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông A, sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp N, thị trấn M, huyện L, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà B, sinh năm 1979

Địa chỉ: số 85A đường K, Phường P, thành phố Q, tỉnh Long An.

(Ông A có đơn xin xét xử vắng mặt, bà B vắng mặt không lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Nguyên đơn ông A trình bày:* Ông và bà B chung sống với nhau năm 1998, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về kinh tế, về cuộc sống hàng ngày. Ông là chồng nhưng không có tiếng nói trong gia đình, bà B không tôn trọng ông, tự ý quyết định mọi vấn đề mà không thương lượng với ông. Khi ông có ý

kiến thì bà B không quan tâm, không lắng nghe mà phớt lờ lời ông nói. Ngoài ra, bà B còn ghen tuông vô cớ khi ông giao lưu bạn bè hoặc quan hệ làm ăn với khách hàng. Ông đã 03 lần bỏ nhà đi. Đến năm 2020, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nên ông đã về mẹ ruột sống ly thân với bà B đến nay. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà B, nên ông yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là C, sinh ngày 19/01/2001 và D, sinh ngày 19/7/2005. Hiện con chung đang sống với bà B. Khi ly hôn, ông yêu cầu giao bà B trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên D, ông cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Trường hợp, con chung D muốn sống với ông thì ông cũng đồng ý và không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Ông xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

\* *Bị đơn bà B trình bày:* Bà và ông A chung sống với nhau năm 1998, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn chỉ là những chuyện vặt trong cuộc sống hằng ngày. Bà thừa nhận bà có đi học nghề không hỏi ý ông A do mẹ bà cho tiền. Tuy nhiên, sau đó ông A cũng đồng ý. Đến tháng 11 năm 2020, bà phát hiện ông A có quan hệ không rõ ràng với người phụ nữ khác, khi bà hỏi ông A không giải thích với bà. Ông A còn chạy xe ô tô do người đó đứng tên. Vì lời qua tiếng lại tháng 12 năm 2020, ông A về nhà mẹ ruột sống và cắt đứt mọi liên lạc với bà và các con. Bà muốn hàn gắn nhưng ông A không cho bà cơ hội. Nay bà xác định vẫn còn tình cảm với ông A nên bà không đồng ý ly hôn. Bà mong muốn ông A quay về chung sống với bà hoặc cuối tuần bà sẽ về với ông A để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là C, sinh ngày 19/01/2001 và D, sinh ngày 19/7/2005. Hiện con chung chưa thành niên D đang sống với bà. Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/11/2021, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu cấp dưỡng theo quy định pháp luật là 750.000đ/tháng. Tại biên bản hòa giải cùng ngày 17/11/2021, bà yêu cầu giao ông A trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Bà xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

\* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án cho rằng:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A, cho ông A được ly hôn với bà B, giao con chung Dg, sinh ngày 19/7/2005 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, ông A phải cấp dưỡng nuôi con chung 750.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Về thẩm quyền: Vào ngày 02/11/2021, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An có thụ lý đơn khởi kiện ông A xin ly hôn với bà B có địa chỉ: số 85A đường L, Phường N, thành phố K, tỉnh Long An làm phát sinh vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về xét xử vắng mặt đương sự: Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn ông A có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là bà B có đến Tòa án để nhận thông báo thụ lý và trình bày ý kiến, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải khi Tòa án nhân dân thành phố Tân An tiến hành đưa vụ án ra xét xử thì bà Linh không đến. Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định cho bà B nhưng bà Nguyễn Thị Thùy B vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân: ông A và bà B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông A khởi kiện cho là vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà B ghen tuông vô cớ dẫn đến tranh cãi thường xuyên. Trong quá trình hòa giải, bà B thì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nguyên nhân ông A yêu cầu ly hôn là do ông A có người phụ nữ khác. Tòa án yêu cầu bà cung cấp chứng cứ chứng minh nhưng bà B không cung cấp được. Tòa án có tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của ông A và bà B tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố K, tỉnh Long An nhưng địa phương không nắm rõ. Tại phiên tòa, bà B lại vắng mặt. Như vậy có cơ sở xác định bà B không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không còn thiết tha về quan hệ tình cảm với ông A nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ tình cảm giữa ông A và bà B không còn, tình trạng vợ chồng giữa ông A và bà B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông A là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về nuôi con chung: ông A và bà B xác định vợ chồng có 02 con chung tên là C, sinh ngày 19/01/2001, đã thành niên và D, sinh ngày 19/7/2005, chưa thành niên. Hiện con chung đang sống với bà B. Khi ly hôn, ông A đề nghị nguyện vọng của con chung B muốn sống với ai thì người đó nuôi, trường hợp ông không trực tiếp nuôi con thì ông đồng ý cấp dưỡng 750.000đ/tháng theo quy định pháp luật. Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/11/2021, bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu cấp dưỡng theo quy định pháp luật là 750.000đ/tháng. Tại biên bản hòa giải cùng ngày 17/11/2021, bà B yêu cầu giao ông A trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, bà không phải cấp dưỡng nuôi con. Như vậy, bà B cũng có nguyện vọng nuôi con. Mặt khác, trong thời gian ông A và bà B sống ly thân, con chung D sống với bà B. Thời gian này, bà B đã đảm bảo đủ điều kiện cho con chung phát triển bình thường. Tại bản tự khai ngày 02/11/2021, con chung D cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Như vậy, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống của con chung nên giao con chung D cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, ông A phải cấp dưỡng nuôi con chung 750.000đ/tháng, cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, cấp dưỡng lần đầu vào ngày 01/01/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông A và bà B có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3. Về chia tài sản và chia nợ: Ông A và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên bản án không đề cập đến.

[3] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ.

[4] Về án phí: Ông A phải chịu án phí ly hôn 300.000đ; án phí cấp dưỡng 300.000đ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A, cho ông A ly hôn với bà B.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung chưa thành niên tên D, sinh ngày 19/7/2005 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Ông A phải cấp dưỡng nuôi con chung 750.000đ/tháng, cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, cấp dưỡng lần đầu vào ngày 01/01/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về chia tài sản, chia nợ: Bản án không đề cập đến.

4. Về án phí: ông A phải chịu 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Chuyển 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001065 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An thành án phí. Ông Lê Quốc Ân tiếp tục nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh LA;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- CCTHA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Thu Thảo**

